

BỘ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG
Chương trình Nông thôn Miền núi

BÁO CÁO
KẾT QUẢ THỰC HIỆN DỰ ÁN

DỰ ÁN: Xây dựng mô hình ứng dụng KHCN phục vụ phát triển
kinh tế - xã hội nông thôn miền núi
xã Nam Thượng - huyện Kim Bôi - tỉnh Hoà Bình

Đơn vị thực hiện:

Sở Khoa học, công nghệ và môi trường
Tỉnh Hoà Bình

Chủ nhiệm dự án:

TS. Nguyễn Ngọc Hồng
Giám đốc Sở KHCN & MT tỉnh Hoà Bình

Hoà Bình, năm 2000

BỘ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG
Chương trình Nông thôn Miền núi

BÁO CÁO
KẾT QUẢ THỰC HIỆN DỰ ÁN

DỰ ÁN: Xây dựng mô hình ứng dụng KHCN phục vụ phát triển
kinh tế - xã hội nông thôn miền núi
xã Nam Thượng - huyện Kim Bôi - tỉnh Hoà Bình

Đơn vị thực hiện:

Sở Khoa học, công nghệ và môi trường
Tỉnh Hoà Bình

Chủ nhiệm dự án:

TS. Nguyễn Ngọc Hồng
Giám đốc Sở KHCN & MT tỉnh Hoà Bình

Hoà Bình, năm 2000

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN DỰ ÁN

Thuộc chương trình xây dựng các mô hình ứng dụng KHCN phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nông thôn miền núi

1- Tên dự án:

Xây dựng mô hình ứng dụng KHCN phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nông thôn miền núi tại xã Nam Thượng - Huyện Kim Bôi - Tỉnh Hoà Bình.

2- Đơn vị thực hiện: Sở Khoa học, công nghệ và môi trường Hoà Bình

3- Cơ quan quản lý: Bộ Khoa học, công nghệ và môi trường

4- Thời gian thực hiện: 2 năm (1999-2000)

5- Địa điểm thực hiện: Xã Nam Thượng - Huyện Kim Bôi - Tỉnh Hoà Bình.

6- Kinh phí thực hiện:

Tổng kinh phí của dự án theo kế hoạch: 770,516 triệu đồng.

Trong đó:

- Kinh phí từ ngân sách sự nghiệp khoa học TW: 500 triệu đồng.

- Kinh phí từ nguồn khác: 270,256 triệu đồng (do dân tự đóng góp quỹ hương mian công và vật liệu phụ).

7- Chủ nhiệm dự án: *Ts. Nguyễn Ngọc Hồng* - Giám đốc Sở KHCN&MT Hoà Bình

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN DỰ ÁN

Thuộc chương trình xây dựng các mô hình ứng dụng KHCN phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nông thôn miền núi

1- Tên dự án:

Xây dựng mô hình ứng dụng KHCN phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nông thôn miền núi tại xã Nam thượng - Huyện Kim Bôi - Tỉnh Hoà bình.

2- Đơn vị thực hiện: Sở Khoa học, công nghệ và môi trường Hoà Bình

3- Cơ quan quản lý: Bộ Khoa học, công nghệ và môi trường

4- Thời gian thực hiện: 2 năm (1999-2000)

5- Địa điểm thực hiện: Xã Nam thượng - Huyện Kim Bôi - Tỉnh Hoà bình.

6- Kinh phí thực hiện:

Tổng kinh phí của dự án theo kế hoạch: 770,516 triệu đồng.

Trong đó:

- Kinh phí từ ngân sách sự nghiệp khoa học TW: 500 triệu đồng.

- Kinh phí từ nguồn khác: 270,256 triệu đồng (do dân tự đóng góp quỹ hàng nhân công và vật liệu phụ).

7- Chủ nhiệm dự án: *Ts. Nguyễn Ngọc Hồng* - Giám đốc Sở KH&CN&MT Hoà Bình

PHẦN THỨ NHẤT

Cơ sở để xây dựng dự án

1- NHỮNG CĂN CỨ PHÁP LÝ

- Căn cứ quyết định số 132/1998/QĐ-TTg ngày 21 tháng 7 năm 1998 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao nhiệm vụ thực hiện Chương trình xây dựng các mô hình ứng dụng KH-CN phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nông thôn và miền núi giai đoạn 1998-2002.

- Căn cứ quyết định số 930/1999/QĐ-BKH-CN-MT ngày 25 tháng 5 năm 1999 của Bộ trưởng Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường về việc phê duyệt Chương trình: Xây dựng mô hình ứng dụng khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nông thôn miền núi giai đoạn 1998-2002.

- Căn cứ quyết định số 2140/QĐ-BKH-CN-MT ngày 5 tháng 11 năm 1998 của Bộ trưởng Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường về việc phê duyệt Dự án thuộc Chương trình nông thôn miền núi của tỉnh Hoà bình.

- Căn cứ Hợp đồng số 01/1998/HĐ-DANTMN ngày 10 tháng 11 năm 1998 đã ký giữa Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường và Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường tỉnh Hoà bình về việc thực hiện dự án Xây dựng mô hình ứng dụng KH-CN phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nông thôn miền núi tại xã Nam thượng - Huyện Kim Bôi - Tỉnh Hoà bình.

2- NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA ĐỐI VỚI KH-CN TRONG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NÔNG THÔN MIỀN NÚI XÃ NAM THƯỢNG VÀ TỈNH HOÀ BÌNH.

Sau khi nghiên cứu tình hình cơ bản về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của tỉnh Hoà Bình và xã Nam Thượng - Kim Bôi, Ban chủ nhiệm dự án nhận thấy những vấn đề đặt ra đối với KH-CN trong sự phát triển kinh tế - xã hội xã Nam thượng và tỉnh Hoà Bình hiện nay và thời gian tới cần giải quyết:

- Trình độ kỹ thuật sản xuất nông nghiệp của người dân thấp kém, đặc biệt ở vùng sâu, vùng xa.

- Tài nguyên đất đai chưa được tận dụng hết tiềm năng.

- Cơ cấu cây trồng chưa hợp lý, năng suất thấp.

- Sản xuất nông nghiệp chủ yếu là lao động thủ công, năng suất lao động thấp.

- Chăn nuôi mang nặng tính tự cấp, chất lượng giống kém, đàn tư ít.

- Sản xuất lâm nghiệp chậm phát triển, tỷ lệ che phủ của rừng đối với tỉnh miền núi còn thấp, người làm rừng chưa sống bằng nghề rừng, tệ chặt phát rừng còn nhiều.

- Vấn đề nước sạch, năng lượng trong sinh hoạt chưa được quan tâm.

1- MỤC TIÊU VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ ÁN.

Dự án Xây dựng mô hình ứng dụng KHHCN phục vụ phát triển kinh tế xã hội nông thôn miền núi xã Nam Thượng nằm trong chương trình xây dựng mô hình ứng dụng KHHCN phục vụ phát triển kinh tế xã hội nông thôn miền núi Quốc gia, do vậy mục tiêu và nội dung dự án vừa phải phù hợp với mục tiêu và nội dung của Chương trình Quốc gia vừa phải đem lại giải quyết được các vấn đề sản xuất và đời sống của dân phương diện đưa ra đối với KHHCN. Trước yêu cầu đó dự án được xây dựng trên cơ sở mục tiêu và nội dung thực hiện như sau:

1- Mục tiêu:

Căn cứ vào mục tiêu của Chương trình nông thôn miền núi, đã giải quyết được các vấn đề đặt ra cho KHHCN trong sự phát triển kinh tế xã hội nông thôn miền núi tỉnh Hoà Bình hiện nay, mà cụ thể là tại xã Nam Thượng dự án đặt ra các mục tiêu sau:

- Xây dựng các mô hình ứng dụng KHHCN phục vụ phát triển kinh tế xã hội miền núi, nhằm tăng khả năng tự giải quyết về lương thực, phát triển vùng cây công nghiệp, cây ăn quả chế biến sản phẩm nông nghiệp sản theo hoạch. Các vấn đề cụ thể như sau:

Về sản xuất lương thực: Sau khi thực hiện dự án sản lượng lương thực vùng thực hiện dự án tăng 50%.

Ổn định và phát triển vốn rừng, tạo cho người dân đảm bảo được kỹ thuật sản xuất lâm nghiệp trong điều kiện mới.

Cơ giới hoá các khâu làm đất nhằm giải quyết các lóe và tăng năng suất lao động, đáp ứng việc tăng vụ trong sản xuất nông nghiệp.

Tạo điều kiện đảm bảo về sức khoẻ cho nhân dân bằng việc sử dụng nước sạch trong sinh hoạt. Phòng chống phá rừng bằng việc tiết kiệm trong sử dụng năng lượng.

Gắn kết với các chương trình quốc gia đã và đang thực hiện trên địa bàn địa phương nhằm tăng hiệu quả của dự án và của các chương trình này.

- Đào tạo một số kỹ thuật viên lâm nông cốt để góp phần nâng cao dân trí đủ sức tiếp nhận để duy trì và mở rộng kết quả của dự án sau khi dự án kết thúc.

Qua dự án rút ra được bài học kinh nghiệm trong việc triển khai cơ ứng dụng KHHCN ở miền núi, xác định được các bước đi cụ thể và những giải pháp cần thiết làm cơ sở cho việc nhân rộng mô hình.

2. Nội dung:

Để thực hiện mục tiêu, nội dung dự án đề cập đến ba chương trình công nghệ và xây dựng các mô hình trình diễn về ứng dụng 100% phân bón phát triển kinh tế - xã hội:

a. Chuyển giao công nghệ.

Mục tiêu của nội dung này là tạo cho người dân và cán bộ cơ sở có những kiến thức thực hiện tốt việc xây dựng, phát triển các mô hình từ đó làm tiền đề xây dựng mô hình phát triển kinh tế bền vững tại địa phương.

Những nội dung chính của chuyển giao công nghệ, gồm:

- Đào tạo, phổ cập kiến thức lý thuyết xây dựng các mô hình.

- Đào tạo kiến thức quản lý.

b- Xây dựng các mô hình trình diễn.

- Mục đích, nội dung các mô hình trình diễn

Qua điều tra khảo sát về điều kiện thực tế về tự nhiên, dân sinh, kinh tế - xã hội của địa phương và những vấn đề bức xúc đặt ra đối với kinh tế, dự án đã tiến hành tổng hợp các phương án xây dựng mô hình trình diễn mô hình 7 mô hình trình diễn KHCN sau:

- Mô hình sản xuất lâm nghiệp:

Mô hình nhằm tạo ra sự chuyển biến trong cách nghĩ trong các hộ gia đình về sản xuất lâm nghiệp. Từ việc xây dựng mô hình góp phần thu hút nhập từ nghề rừng, làm cho người làm rừng có thể sống bằng nghề rừng. Mô hình được xây dựng sẽ là cơ sở khoa học cho việc thực hiện dự án chuyển đổi rừng trong tỉnh. Phương pháp thực hiện mô hình, gồm:

1. Cải tạo vườn rừng: Sử dụng các biện pháp kỹ thuật làm sinh trưởng nhanh nuôi tái sinh và làm giàu rừng. Từ đó chuyển các lâm rừng chủ thuần túy chức năng phòng tạo ra những sản phẩm hàng hoá có giá trị kinh tế, sản phẩm phục vụ nhu cầu đời sống người dân tại chỗ (rừng, dược liệu) mà vẫn phát huy được khả năng phòng hộ của nó.

2. Trồng rừng kinh tế: Sử dụng giống cây rừng phù hợp với điều kiện tự nhiên và các biện kỹ thuật làm sinh trưởng rừng thâm canh tạo ra lâm nghiệp trồng kinh tế có năng suất cao, thu lợi lâu dài và sản phẩm đa dạng.

- Mô hình cải tạo vườn tạp.

Hiện nay ở Hoà Bình giá trị sản xuất bình quân trên một ha vườn lâm viên chưa phát huy được diện tích đất vườn, đất trồng cây ăn quả lâu năm. Đa số vườn của người dân nên hầu hết đất vườn của các hộ gia đình tuy rừng nhưng manh mún, chủng loại cây nhiều, do vậy chưa tạo ra sản phẩm hàng hoá.

3. Xây dựng mô hình dựa trên cơ sở cải tạo dần các vườn tạp chuyển sang chuyên canh một số loại cây có giá trị, kỹ thuật trồng phù hợp với tình độ canh tác của người dân, sản phẩm thu được để chế biến và tiêu thụ.

- Mô hình thâm canh cây lương thực.

Để đưa sản xuất nông nghiệp ở Hoà Bình phát triển đáp ứng nhu cầu thị trường quyết định về lương thực trong tình hình thâm canh thâm vụ ở diện tích đất nông nghiệp lúa (chiếm 91,8% diện tích đất lúa - ruộng). Mô hình thâm canh cây lương thực cho các chính sách điều hành sản xuất nông nghiệp của các cấp ngành trong tỉnh.

Mô hình thâm canh cây lương thực với mục tiêu tạo cho các hộ nông dân làm quen với kỹ thuật thâm canh mới trong sản xuất nông nghiệp, thâm canh năng suất cây trồng, tăng vụ (từ 1 vụ : 2 vụ lên 3 vụ trên đơn vị diện tích). Mô hình thực hiện trồng 2 loại cây lương thực trọng điểm: Lúa và ngô.

Mô hình chăn nuôi lợn.

Trong nhiều năm gần đây ở Hoà Bình, tỷ trọng ngành chăn nuôi trong cơ cấu sản xuất nông nghiệp liên tục giảm, hiện chỉ chiếm 19% giá trị sản xuất nông nghiệp. Nguyên nhân là do việc chăn nuôi ở các hộ gia đình chủ yếu là để tự dùng, cung tự cấp, giống kém chất lượng, đàn từ 5 đến 10 con năng suất thấp, giá trị kinh tế lợi nhuận thu được từ chăn nuôi ở các hộ gia đình nông thôn hầu như bằng 0. Chăn nuôi trong các gia đình chủ yếu để có nguồn phân bón cho trồng cây.

Để thay đổi tập quán của người dân trong chăn nuôi, đưa sản xuất chăn nuôi hình chăn nuôi lợn hướng nạc cao sản. Mô hình sử dụng các loại giống lợn có năng suất cao, chất lượng thịt tốt như lợn lai hai dòng, lai ba dòng và kỹ thuật chăn nuôi tiên tiến phù hợp với điều kiện các gia đình trong vùng.

- Mô hình cơ giới hoá phục vụ sản xuất nông nghiệp.

Mô hình thực hiện với mục đích nhằm giải phóng sức lao động của nông dân bằng cơ giới hoá trong các khâu phục vụ sản xuất nông nghiệp như cày, bừa, vận chuyển vật tư và sản phẩm. Từ đó hình thành mạng lưới dịch vụ cơ giới nhỏ trong sản xuất nông nghiệp ở địa phương trong các hộ gia đình.

- Mô hình năng lượng và nước sạch

+ Bếp đun cải tiến:

Trong điều kiện hiện nay tại các cộng đồng dân cư miền núi việc sử dụng chất đốt phục vụ sinh hoạt gia đình bằng củ là chủ yếu và là tập quán lâu đời. Tuy nhiên, do dân số ngày càng tăng và việc sử dụng dụng cụ đun nấu tiết kiệm chất đốt dẫn đến việc phá rừng lấy củ trở thành một nguyên nhân chủ yếu góp phần giảm diện tích rừng phòng hộ, làm cho công tác khoanh nuôi bảo vệ rừng kém hiệu quả.

Mặt khác với việc sử dụng các loại bếp đun truyền thống (đồng, sắt, nhôm, đất gạch đá ...) nhiên liệu (củ) không cháy hết là không có năng lượng thoát khỏi nên gây ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng đến sức khoẻ người dân đặc biệt đối với phụ nữ.

+ Mô hình sử dụng nước sạch trong sinh hoạt.

Tại Hoà Bình cũng như ở một số vùng nông thôn miền núi các tỉnh khác, nước sạch đang là một vấn đề được quan tâm mang tầm quốc gia.

Các vùng miền núi hiện nay nhân dân chủ yếu chỉ dùng nước đến hoạt theo tập quán cũ là nước khe suối (thường bị ô nhiễm làm mất an toàn vệ sinh), chỉ một số ít gia đình có nước giếng đào (nhưng không đảm bảo tiêu chuẩn). Có những vùng do diện tích rừng bị chặt phá nên không có đủ mật nguồn nước cả vùng, nhân dân phải đi xa để lấy nước.

Nam thượng là một xã nằm trong tình trạng tương tự.

Để thay đổi tập quán sử dụng nước trong sinh hoạt của nhân dân, góp phần giải quyết khó khăn về nước sinh hoạt cho nhân dân, Ban chấp hành đã lựa chọn việc xây dựng mô hình các vùng nước sạch dân chủ cộng nước công cộng đảm bảo vệ sinh.

- Quy mô các mô hình .

- Mô hình sản xuất lâm nghiệp

+ Cải tạo vườn rừng: Quy mô: 5 hộ; Diện tích: 7 ha

+ Trồng rừng kinh tế: Quy mô: 13 hộ; Diện tích: 7ha.

Tổng kinh phí đầu tư trực tiếp của mô hình: 19.514.000 đồng.

- Mô hình cải tạo vườn tạp. Quy mô: 51 hộ; Diện tích: 2 ha

Tổng kinh phí đầu tư trực tiếp của mô hình: 56.260.000 đồng.

Mô hình thâm canh cây lương thực.

+ Thâm canh cây lúa: diện tích: 20 ha

+ Ngô vụ đông trên đất ruộng: diện tích: 20ha.

Tổng kinh phí đầu tư trực tiếp của mô hình: 55.118.000 đồng.

- Mô hình chăn nuôi lợn: 50 hộ; 1.500 kg giống (100 con giống).

Tổng kinh phí đầu tư trực tiếp của mô hình: 93.975.000 đồng.

- Mô hình cơ giới hoá phục vụ sản xuất nông nghiệp: Với 1 máy bơm nước gồm 1 máy động lực 17 mã lực và các máy công tác khác.

Tổng kinh phí đầu tư trực tiếp của mô hình: 10.000.000 đồng.

- Mô hình năng lượng và nước sạch.

+ Bếp đun cải tiến: 100 hộ, kinh phí: 26.300.000 đồng

+ Bếp sử dụng khí BIOGAS: 1 hộ; kinh phí: 10.000.000 đồng

+ Giếng nước kiểu UNICEF: 10 hộ và 1 giếng công cộng (còn phải xây lắp): 80.000.000 đồng

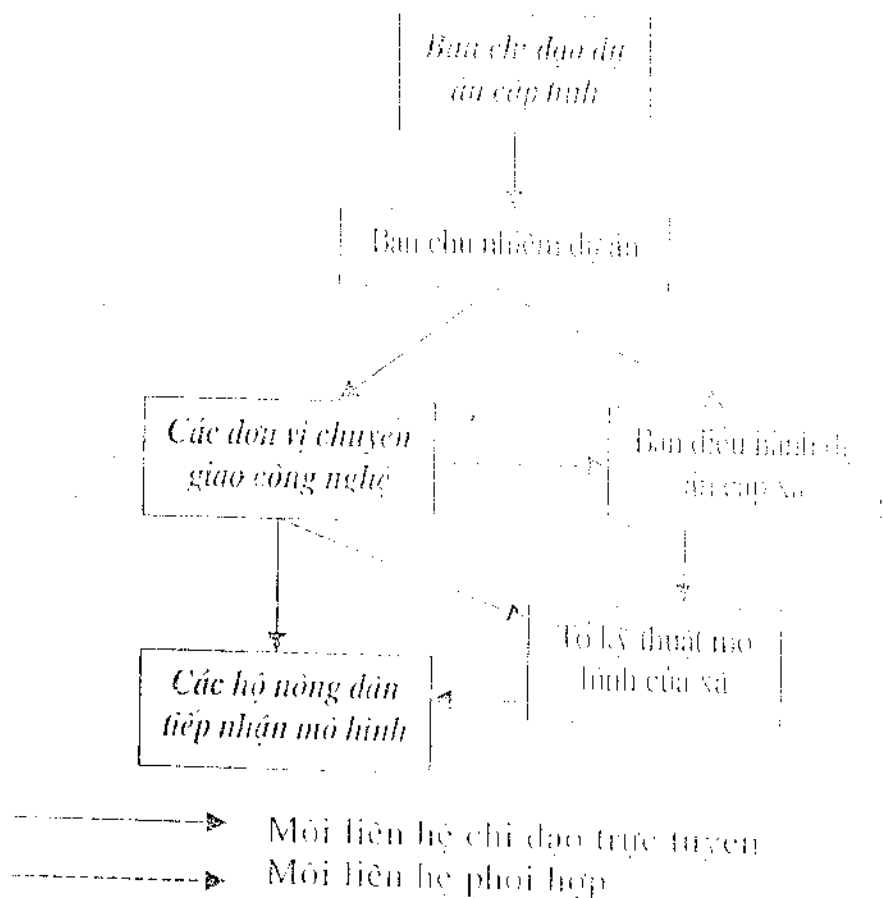
Tổng kinh phí đầu tư trực tiếp của mô hình: 116.300.000 đồng.

Tổng kinh phí đầu tư trực tiếp từ ngân sách để xây dựng các mô hình: 362.067.000 đồng (bằng 72,5% tổng kinh phí dự án)

(Số kinh phí trên chưa cộng kinh phí đào tạo tập huấn, học chuyên gia kỹ thuật viên chỉ đạo mô hình, các chi phí thẩm định dự toán, thanh toán, phục vụ xây dựng từng mô hình).

II- TỔ CHỨC CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN DỰ ÁN

Để dự án thực hiện có kết quả và đúng tiến độ, đảm bảo sự thành công của việc chỉ đạo, phối hợp giữa các cấp, ngành. Ban chủ nhiệm dự án đã làm việc với Sở KH&CN&MT xây dựng hệ thống chỉ đạo diễn hành dự án theo sơ đồ sau:



Ban chỉ đạo điều hành dự án:

Gồm 5 thành viên:

- Đại diện UBND Tỉnh (Phó chủ tịch Phụ trách khối)
- Sở KH&CN&MT gồm có 1 thành viên.
- Mỗi Sở Tài chính vật giá 1 thành viên.
- Mỗi Chủ tịch UBND huyện Kim Bôi 1 thành viên.
- Mỗi UBND xã Nam thượng 1 thành viên.

Chức năng của ban chỉ đạo dự án:

- Định hướng xây dựng dự án.
- Kiểm tra việc thực hiện của dự án theo tiến độ đã được duyệt.
- Nghiệm thu cấp tỉnh đối với các mô hình và toàn bộ dự án.

Ban chủ nhiệm dự án:

Gồm 4 thành viên, thuộc sở KH&CN&MT (Chủ nhiệm dự án, thư ký, kỹ thuật và kế toán dự án)

Chức năng của ban chủ nhiệm dự án:

Ban quản lý dự án có trách nhiệm tổ chức triển khai các công việc của dự án như: Lập kế hoạch tiến độ thực hiện, thuê chuyên gia, mua sắm thiết bị, thực hiện dự án, chuẩn bị về tài chính, đồng thời thực hiện việc kiểm tra, giám sát, nghiệm thu cơ sở và đánh giá kết quả thực hiện của các đơn vị.

Thành lập các tổ chuyên gia công nghệ trên cơ sở sự lựa chọn của các CN dự án yêu cầu đối với các chuyên gia công nghệ là phải có trình độ chuyên môn cao và kinh nghiệm trong CGCN trong các dự án tương tự.

Các đơn vị chuyển giao công nghệ:

Đơn vị chuyển giao công nghệ (CGCN) là các cơ quan, đơn vị nghiên cứu và các mô hình do Ban chủ nhiệm dự án thuê khoán thực hiện theo loại mô hình.

Các đơn vị CGCN được lựa chọn để tham gia thực hiện dự án dựa trên những cơ quan chuyên ngành về lĩnh vực thi công trồng dự án, có năng lực năng về kỹ thuật và trang bị cũng như kinh nghiệm thực tế của đơn vị tham gia trực tiếp.

Việc thực hiện các mô hình thuộc dự án của các đơn vị CGCN được đưa vào đề cương dự án, hợp đồng chuyển giao công nghệ với Sở KH và MT và danh sách các hộ mà Ban chỉ đạo dự án cấp xã lập được Ban chủ nhiệm dự án thông qua.

Kết quả thực hiện các mô hình của các đơn vị CGCN được đánh giá thông qua hội đồng nghiệm thu, nên đạt yêu cầu mới được thanh lý hợp đồng và thanh toán. Các đơn vị CGCN phải tiếp tục theo dõi kết quả mô hình sau khi kết thúc thực hiện việc xây dựng mô hình (tuy thời gian theo dõi có thể dài ngắn khác nhau).

Sau khi xem xét khả năng của các đơn vị trong và ngoài tỉnh, Ban chủ nhiệm dự án đã lựa chọn:

+ Trường Đại học Lâm nghiệp: Thực hiện việc khảo sát, xây dựng mô hình và chuyển giao công nghệ, xây dựng 2 mô hình: Mô hình sản xuất nông nghiệp và mô hình cải tạo vườn tạp.

+ Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Tỉnh chuyển giao công nghệ và xây dựng mô hình thâm canh cây lương thực.

+ Viện Năng lượng chuyển giao công nghệ và thực hiện mô hình tạo dựng cái tiên.

+ Viện Cơ điện nông nghiệp thực hiện mô hình sử dụng cơ giới phục vụ sản xuất nông nghiệp.

+ Công ty giống cây trồng, vật nuôi Đồng giao thực hiện mô hình chăn nuôi lợn.

+ Công ty tư vấn thiết kế xây dựng Hoà bình và Trung tâm dịch vụ nông thôn Hoà bình thực hiện mô hình giếng nước sạch trong sinh hoạt.

Các đơn vị này đều đảm bảo các yêu cầu đặt ra của dự án.

Ban điều hành ủy ban cấp xã:

Baroness Hinchey: I am concerned about the impact of the proposed

Chloride (MSE) and the Coefficient

Một phổ cảnh lịch sử ở Đ. là khu vực các công nhân làm việc trong ngành khai thác cây hương thảo, chàm tươi.

Alp göçünü teşvik eden bir diğer önemli sebep de, köylülerin, özellikle de kadınların, tarımsal işleri için yeterli ekipman ve araçlara sahip olmamasıdır.

$\hat{C} = \begin{bmatrix} 1 & 0 & 0 \\ 0 & 1 & 0 \\ 0 & 0 & 1 \end{bmatrix}$

Triệu phú, còn được ví dụ như hiện các cơ như tỷ lệ của một người giàu có, chủ yếu được đo lường dựa trên các tài sản cá nhân và gia đình.

Tên họ của thành viên tham gia tổ lý thuyết của cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan đến việc thực hiện công việc được giao.

Đảm bảo kết quả thực hiện của các mặt hình, văn, chữ.

To Kythira and Naxos

3. Tổ kỹ thuật mô hình được thành lập để tiếp nhận lý thuyết và kiến thức mô hình từ các đơn vị chuyên giao công nghệ, nuôi mô hình và chuyển giao mô hình (KTV) do Ban chỉ đạo dự án cấp xã đề nghị.

Kỹ thuật viên được đào tạo kiến thức lý thuyết cơ bản, được thực hành và hướng dẫn các hộ nông dân thực hiện mô hình mới. Thời gian đào tạo tối thiểu 5 ngày, để vận thực hành. Các kỹ thuật viên thường là cán bộ xã, trưởng thôn, chủ hộ có kinh nghiệm trong nghề.

Trong quá trình thực hiện dự án đã hình thành tập tài liệu hướng dẫn như sau:

Chức họ tiếp nhận dự án.

Các bộ tham gia tiếp nhận dự án do Ban chủ nhiệm dự án chỉ đạo và được Ban chủ nhiệm dự án và Ban vị CC/NK kiểm tra chấp nhận.

Các bộ phải đáp ứng các yêu cầu về cơ sở vật chất, nhân lực, cơ chế chính (theo cơ yếu cầu) để đáp ứng việc thực hiện mô hình mới, triển khai các nội dung công việc theo định hướng, đảm bảo thực hiện các chỉ tiêu của CGCN và kỹ thuật viên mô hình.

④. Nimm die

Tổ chức thực hiện theo hình thức một hệ thống, phân định rõ chức năng của từng bộ phận và đơn vị diện bộ, trong chỉ đạo thực hiện mô hình và dự án. Việc này được thực hiện qua quyết định số 2 năm thực hiện.

Tin tức tổ chức quân sự của Liên bang đã giúp và làm cho các lực lượng chỉ đạo duy nhất trên địa bàn này.

1- Kết quả đào tạo và chuyển giao kỹ thuật mô hình

Kết quả thực hiện dự án phụ thuộc nhiều vào kết quả đào tạo, chuyển giao công nghệ các mô hình, nhận thức vấn đề này ngay từ khi lập dự án. Ban chủ nhiệm dự án đã xác định đây là một trong hai nội dung quan trọng của dự án. Vì vậy, việc lựa chọn các đơn vị chuyển giao hợp tác, đào tạo và chuyển giao, về nội dung, hình thức được thực hiện chu đáo, kỹ lưỡng.

Tổng số kỹ thuật viên được đào tạo kỹ thuật cơ bản đạt 60% của mô hình thuộc 6 mô hình. Các kỹ thuật viên này khi được đào tạo đã thể hiện khả năng tiếp nhận mô hình mới một cách thành thạo, đáp ứng yêu cầu và đủ khả năng chuyển giao các mô hình thực hiện mô hình.

Đây là lực lượng đảm bảo cho việc duy trì và nhân rộng mô hình sản xuất ...

Tổng số lượt nông dân được tập huấn kỹ thuật mô hình ... có 500 hộ được tập huấn kỹ thuật thâm canh cây lương thực chính ...

Sau khi tập huấn các hộ đã đủ khả năng thực hiện mô hình theo các tài liệu hướng dẫn của chúng tôi giao về kỹ thuật viên.

Kết quả đào tạo và chuyển giao công nghệ đã mang lại tư duy mới, động lực cho lãnh đạo xã trong việc chỉ đạo điều hành sản xuất, phát triển kinh tế - xã hội của địa phương mà cái được như là ở từng hộ nông dân. Từ đó, nhận thức của họ có sự chuyển biến về nhận thức trong ứng dụng KHTT tiên tiến vào sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng, bảo vệ và phát triển rừng, bảo vệ môi trường, trong xây dựng và sử dụng nguồn nước sạch ...

Sự chuyển biến này hiện nay tuy chưa thể hiện rõ rệt, nhưng đã góp phần vào sự phát triển toàn diện về kinh tế - xã hội của xã trong những năm tới mà trước tiên vùng trên cơ sở sự hiểu biết về KHTT của người dân.

2- Kết quả xây dựng các mô hình trình diễn

a- Mô hình sử dụng bếp đun cải tiến

Để thực hiện mô hình này theo nội dung và mục đích đề ra Ban chủ nhiệm dự án đã phối hợp với Viện Năng lượng khảo sát, nghiên cứu thiết kế các loại bếp đun cải tiến với các yêu cầu:

- Tiết kiệm nhiên liệu.

- Thuận tiện trong sử dụng, phù hợp với tập quán sinh hoạt của người dân tộc có sử dụng nhà sàn ...

- Giảm thiểu ô nhiễm môi trường do khói bụi.

Trên cơ sở những yêu cầu trên, các đơn vị khoa học của Viện Năng lượng và Ban chủ nhiệm dự án đã thiết kế các mô hình bếp đun cải tiến theo yêu cầu chọn và đưa vào sử dụng tại các hộ nông dân ...

động, người Việt sử dụng một tỷ lệ thấp hơn, chỉ khoảng 10% tổng số người dùng, bên cạnh đó việc sử dụng cũng chỉ giới hạn ở các địa phương.

* Một tình huống xảy ra như trên thì:

Phong cách văn hóa của dân tộc được thể hiện qua các loại hình nghệ thuật dân gian và văn hóa dân gian. Các loại hình nghệ thuật dân gian và văn hóa dân gian là những sản phẩm văn hóa được tạo ra và phát triển trong quá trình lao động và sinh hoạt của cộng đồng dân tộc. Các loại hình nghệ thuật dân gian và văn hóa dân gian có vai trò quan trọng trong việc bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc.

[illegible]

H. M. Phil. Long, 1825-1890, Phila.

[illegible][illegible]

Tổng diện tích gieo cấy lúa 20 ha, trong đó có 14 ha gieo cấy lúa nhập từ Trung quốc), 6 ha lúa 9/24 nguyên chủng. 1456 giống lúa được gieo cấy từ 1976/1999 kết thúc ngày 3/7/1999, diện tích thu hoạch năm 1999 gần 14 ha, trên địa phận thu hoạch, kết quả như sau: Lúa được gieo cấy 9/24 nguyên chủng nhất đạt năng suất 9 tấn/ha, thấp nhất đạt 6 tấn/ha, bình quân là 7,5 tấn/ha, bình quân của huyện 1456 giống lúa là 7,5 tấn/ha, quốc gia là 7,5 tấn/ha.

Năm khi tìm hiểu các tài liệu về tình hình dân số và dân tộc của Việt Nam, tôi đã được biết rằng, từ năm 1975 đến nay, Việt Nam đã có những biến đổi về dân số và dân tộc. Theo số liệu thống kê, dân số Việt Nam đã tăng từ 54 triệu người năm 1975 lên 75 triệu người năm 2000. Trong đó, dân số thành thị đã tăng từ 15 triệu người năm 1975 lên 30 triệu người năm 2000. Dân số nông thôn đã tăng từ 39 triệu người năm 1975 lên 45 triệu người năm 2000. Dân số thành thị đã tăng từ 15 triệu người năm 1975 lên 30 triệu người năm 2000. Dân số nông thôn đã tăng từ 39 triệu người năm 1975 lên 45 triệu người năm 2000. Dân số thành thị đã tăng từ 15 triệu người năm 1975 lên 30 triệu người năm 2000. Dân số nông thôn đã tăng từ 39 triệu người năm 1975 lên 45 triệu người năm 2000.

Với việc xây dựng mô hình thị trường cạnh tranh bằng cách giảm dần số doanh nghiệp sản xuất cùng loại, các doanh nghiệp sẽ dần có xu hướng kết dính sản phẩm.

Về năng suất và sản lượng: diện tích trồng rau cải xanh hiện tại là 1.000 ha/năm, 150% (bình quân) so với năng suất chung của rau cải xanh, đạt 1,5 tấn/ha, diện tích 3 vụ/năm (tức trên 3 vụ/năm) và không sản xuất rau cải xanh theo mùa vụ (170-180% so với sản lượng rau cải xanh hiện tại).

Như vậy, mô hình đã tạo một bước chuyển biến về "tên lửa" để đưa các lực lượng của Đảng và Nhà nước ta đi đúng hướng, làm hết các việc đang dần trong toàn xã hội, họ được tập trung để làm việc, để xây dựng và phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, đạo đức được một đời người, đồng thời đi sang học và thực hành để xây dựng và phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội để tiếp tục chỉ đạo nhân dân tạo dựng. Đây là một mô hình để mô hình tiếp tục phát huy khi đi đến kết thúc.

Kinh phí thu hồi 50% kinh phí của hồ nước theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và được tính vào giá dịch vụ được tính khi giao công trình về cho người dân sử dụng.

c- Mã bình sản và bình nghiệm và bình luận cá nhân người học

Đầu tiên, chúng ta cần xác định các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển của nền kinh tế. Các yếu tố này bao gồm: nguồn nhân lực, vốn, công nghệ, và môi trường kinh doanh. Việc phân tích các yếu tố này sẽ giúp chúng ta hiểu rõ hơn về những thách thức và cơ hội mà nền kinh tế đang gặp phải.

* Mô hình cải tạo vườn rừng theo hệ thống phân cấp và quản lý bền vững trong sử dụng đất đai sản xuất nông lâm nghiệp trên địa bàn gần 100 cây/nha.

c. M40 hình vuông, chiều kích cỡ đã chọn được là 13 bộ với diện tích 17 ha, tổng lượng thu hoạch, một độ trồng 200 cây/năm

Tổng số cây trồng đã cấp địa chỉ hộ nông dân thực hiện, tính đến 31/12/2014 là 2.135 cây (hộ) trồng.

Trường Đại học Lâm nghiệp đã phối hợp với UBND xã hướng dẫn người dân trồng, chăm sóc đúng quy trình. Sau 3 tháng trồng tỷ lệ sống đạt trên 90%, sau 6 tháng định trồng có tỷ lệ sống 100% (đã ra hoa mang quả lại, chịu được bệnh rệp sáp).

4. Mô hình cải tạo vườn tạp đã chọn được 51 hộ ở 3 xóm với tổng diện tích 10 ha. Cung cấp 500 cây và thiếu Thanh Hóa, 389 cây nhãn long (loại nhãn mới) và 121 cây nhãn loại cây giống này đều có xuất xứ và đảm bảo về chất lượng. Đến nay, các hộ đã trồng được 85% cây sinh trưởng và phát triển tốt.

Hiện nay, Ban chỉ nhiệm vụ đã phối hợp với Trường Đại học Sư phạm, Đại học Đà Nẵng và Học viện Khoa học và Công nghệ để tiếp tục chuẩn bị, đào tạo cán bộ, nhân viên quản lý điện lực nhằm đáp ứng

© 2003 Wiley Periodicals, Inc. *J Polym Sci Part A: Polym Chem* 41: 1035–1044, 2003
Published online 10 April 2003 in Wiley InterScience (www.interscience.wiley.com). DOI: 10.1002/pola.10553

Mô hình sản xuất lúa nếp lùn và gạo lứt cải tạo xuất hiện tại vùng đồng bằng sông Cửu Long được khẳng định bằng sản phẩm đầu ra thể, nhưng nó đã tạo được niềm tin và sự nhận thức của nhân dân trong vùng, nhất là vùng nghèo đói nhất của đồng bằng, rằng mọi cách hợp lý để tạo ra sản phẩm lương thực từ đất đai và nước là đúng, mô hình đã chuyển giao kiến thức, kinh nghiệm làm ăn cho các hộ nông dân.

d- Mô hình sử dụng và giải pháp vụ sản xuất nông nghiệp:

Sau khi khảo sát thực tế, Viện có diện không nghiệp vụ Ban chỉ đạo của Ban chỉ đạo thống nhất được các loại máy móc cung cấp cho thực hiện mô hình, gồm: 1 máy kéo 17 mã lực, Dàn cày 13-18, Dàn Bùn trung trọng tải, Kéo nước, 1 máy bơm tự động, Dàn lồng, Ngày 29 tháng 8 năm 1990 Viện có diện không nghiệp vụ, KHIC và MT đã chuẩn bị: Bàn giao toàn bộ cơ sở, máy móc trên cho Ban chỉ đạo Ban chỉ đạo thống nhất quản lý, tổ chức sử dụng. Từ ngày 29 tháng 8 đến ngày 1 tháng 9 năm 1990

tập huấn kỹ thuật cho người trồng, kỹ thuật viên và làm công nhân vận hành các máy móc, công cụ làm đất, các thiết bị dụng cụ làm đất trên cơ sở thực tiễn.

Sau 2 năm thực hiện cấp nước đã thực hiện tốt dịch vụ làm đất, tưới nước, vận chuyển vật tư, phân bón phục vụ sản xuất nông nghiệp và xây dựng trong xã, huyện. Máy rất thích hợp cho làm đất màu và trồng dưa bầu tại các địa phương. Hiện nay xã đã thu được trên 3 triệu đồng phí dịch vụ của các máy của mô hình, hiệu quả, nhanh chóng và tiết kiệm.

Mô hình này đã đem lại những lợi ích cụ thể làm đất bằng cơ giới giảm chi phí dịch vụ nông nghiệp, giảm chi phí đầu tư công được công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông thôn, giải phóng sức lao động cho con người, tăng vụ trong năm, tăng thu nhập nông nghiệp. Hiện nay xã xã Ninh Thuông đã có nhiều gia đình tự đầu tư mua sắm máy móc, xe kéo hoặc phục vụ sản xuất của gia đình và làm dịch vụ, đây là xã phát triển mô hình loại hình này trước huyện Kim Sơn.

Tuy nhiên, do điều kiện địa hình, đồng đất cũng với phải làm đất bằng tay, chưa mang lại hiệu quả kinh tế cao bằng máy cho công dân nên một số chủ nông hộ vẫn chưa sử dụng loại máy có hiệu quả như làm đất ở những địa phương khác. Cần tiếp tục nghiên cứu một số hộ dân cư sau đã khác phục được khó khăn này.

e- Mô hình chăn nuôi (Chọn lợn cao sản hương nạc).

Căn cứ vào mục đích, nội dung và quy mô của mô hình Ban chủ nhiệm dự án đã phối hợp với Công ty giống Vật nuôi và cây trồng Đồng giáo thôn hình thành chọn các giống lợn có phẩm chất tốt với yêu cầu:

- + Tăng trọng nhanh, chất lượng thịt tốt phù hợp với thị hiếu người tiêu dùng (tỷ lệ nạc đạt > 50%)

- + Phù hợp với điều kiện nuôi trồng chăn tại các hộ gia đình.

Sau khi tìm hiểu Ban chủ nhiệm dự án đã quyết định chọn hai loại lợn có phẩm chất hương nạc Landrad, Yorkshire.

Tổng số lợn giống 100 con, trong đó có 50 con Landrad, 50 con Yorkshire.

Trung lượng bình quân 15,7 kg/con, tổng trọng lượng giống 1.571 kg.

Theo yêu cầu kỹ thuật chăn nuôi, Ban chủ nhiệm dự án phối hợp với Ban hợp tác hình thành dự án cấp xã lựa chọn 50 hộ gia đình tiếp nhận thực hiện mô hình với các yêu cầu:

- + Có chuồng trại tương đối kiên cố vững chắc, nền cứng, mái lợp.

- + Có kinh nghiệm chăn nuôi lợn.

Thời gian nuôi từ 90 – 105 ngày (3 – 3,5 tháng).

Điều kiện tư cho mỗi dân lợn:

- + Bột ngô: 170 kg (dự án đầu tư 50% tổng 85kg, hộ gia đình tự đầu tư 50%)

- + Cám đậm đặc 113 (honor ký): 50 kg

- + Thuốc thú y: Bình quân 50.000 đồng/con

Kết quả:

- + Tỷ lệ sống đạt 92%;
- + Tỷ lệ chết: 8% (chủ yếu do thời tiết trong mùa đông lạnh, gia súc thường lợn bị viêm phổi);
- + Trọng lượng bình quân xuất chuồng đạt: 74kg/con;
- + Năng suất đạt: Từ 18 - 22 kg/con/tháng, tăng lên 30 với chế độ ăn công nghiệp ở địa phương từ 80 - 120%;
- + Giá bán bình quân: 10.500 đồng/kg lợn hơi (so với giá bán trước năm 2000 (9.500 đồng) 13%.

Đánh giá kết quả mô hình:

- + Nuôi lợn lai hướng nạc tốc độ tăng trọng nhanh, sau 3 tháng xuất chuồng trọng lượng đạt từ 75 - 80 kg/con, hộ nông dân bắt đầu có lãi, trong khi đó mô hình lợn địa phương với phương thức chăn nuôi cổ truyền sau 10-12 tháng thì trọng lượng lợn chỉ đạt bình quân 50-60kg/con.
- + Từ việc thực hiện mô hình các hộ gia đình đã làm quen với việc sản xuất lợn cao sản. Thói quen chăn nuôi thả rong đã dần bị loại bỏ, nhận được lợi ích và nghĩ đến việc tiếp tục đầu tư chăn nuôi theo mô hình trong những năm tới.

Tuy đạt được kết quả trên, song trong lần đầu làm quen với kỹ thuật chăn nuôi mới, một số gia đình còn thiếu kinh nghiệm trong chăn nuôi và tiếp cận biến thời tiết phức tạp nên tăng trọng của lợn chưa đạt yêu cầu đề ra. Sau khi thực hiện mô hình trình diễn nhiều hộ nông dân đang thiết tha đề nghị được tiếp tục mở rộng nuôi lợn lai cao sản hướng nạc.

g- Mô hình nước sạch trong sinh hoạt.

Hạng mục chính của mô hình gồm:

- 10 giếng nước hộ gia đình thiết kế theo tiêu chuẩn của chương trình nước sạch UNICEF (gồm hộ: 1 giếng đường kính 1,2m, sâu 8-10m có thành cốt bê tông, có lắp bơm tay kiểu UNICEF) và

Một cụm cấp nước công cộng từ giếng đào, gồm: 1 giếng đào xây thành bể dung tích chứa 50m³ có thể cung cấp 100m³ nước sạch/ngày dùng 1 bơm tay UNICEF, nhà tắm công cộng; một cụm cấp nước cho khu dân cư phía Bắc dung tích 10m³, đường dẫn nước 450m, cụm bơm công suất 1,63kW. Tổng chi phí 1,4 triệu đồng.

Với mô hình này đã đảm bảo khả năng cung cấp nước sinh hoạt cho 250-300 hộ dân trong xã chiếm 35% số hộ dân của xã, trong đó riêng cụm cấp nước công cộng có thể cấp nước cho 250 hộ.

Theo đánh giá chung đây là mô hình mang lại hiệu quả cao nhất hiện nay đối với sông nhân dân, góp phần nâng cao tỷ trọng hộ dùng nước sạch, V.S.M.

• Từ mô hình này đã nói lên rằng, hiệu quả đầu tư của chương trình nước sạch không hoàn toàn phụ thuộc vào mức độ đầu tư, mà chính là do việc làm ăn và lắng nghe nguyện vọng của nhân dân.

IV- NHẬN MẾT KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC.

1- Những thành công.

1. Lựa chọn địa điểm và mô hình dùng định hướng.

Là dự án xây dựng mô hình ứng dụng KH/CN nên việc lựa chọn địa điểm và mô hình là vấn đề quan trọng, với dự án này vấn đề địa điểm thực hiện đã đạt được như sau:

1. Đảm bảo đại diện về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của tỉnh, vùng và quốc gia, liên cho việc nhân rộng kết quả của dự án trong toàn tỉnh.

2. Trình độ cán bộ quản lý của địa phương ở mức khá, nhất là ở cấp huyện và xã. Trình độ dân trí ở mức trung bình cho tỉnh, nông dân chủ yếu, việc tiếp thu kiến thức mới xuất.

Việc lựa chọn các mô hình nhằm diện đã đề cập đến hầu hết các vấn đề liên quan đến sự đạt ra đối với KH/CN trong sự phát triển kinh tế - xã hội của cấp xã/nhà nước. Kết quả của các mô hình đã góp phần định hướng giải quyết những vấn đề thực tiễn.

3. Tổ chức thực hiện: Việc tổ chức thực hiện dự án chặt chẽ, sự phân công nhiệm vụ cho bộ phận, bộ phận theo đúng chức năng đã xác định, nên hầu hết công việc đã hoàn thành trong quá trình thực hiện không xảy ra những khúc mắc về tổ chức.

4. Những chuyển biến sau thực hiện mô hình.

Điều quan trọng nhất của dự án đã đạt được đó là sự chuyển biến và nâng cao trong cộng đồng về việc ứng dụng KH/CN tiên tiến trong sự phát triển kinh tế - xã hội của xã và trong từng hộ gia đình, thông qua xây dựng các mô hình thực tiễn đã trang bị thêm kiến thức làm ăn lâu dài cho nông dân.

Khả năng nhân rộng của các mô hình:

Từ kết quả của các mô hình nhận thấy, hầu hết các mô hình đều có khả năng nhân rộng trên phạm vi toàn tỉnh bởi vì nó đạt được các tiêu chí:

1. Giải quyết những vấn đề bức xúc trong phát triển kinh tế - xã hội của địa phương trong tỉnh bằng việc ứng dụng khoa học công nghệ mới.

2. Phù hợp với trình độ dân trí và tập quán sản xuất và sinh hoạt của nông dân địa phương.

3. Vốn đầu tư ít, hiệu quả mang lại tương đối lớn.

Kết quả của dự án mà cụ thể là kết quả của từng mô hình đã đã tạo ra tín hiệu và được những kinh nghiệm quý trong xây dựng mô hình trình diễn giúp nhân rộng triển kinh tế - xã hội tương tự của các cấp, ngành trong tỉnh.

4. Thu hồi kinh phí:

Việc thu hồi kinh phí của dự án đã không được đạt ra khi xây dựng nên chưa được trình duyệt, tuy nhiên trong quá trình thực hiện Ban chủ nhiệm dự án nhận thấy một số mô hình có thời gian thực hiện ngắn cho sản phẩm như: mô hình trồng cây lương thực, mô hình chăn nuôi lợn. Việc thu hồi kinh phí nhằm giảm bớt gánh nặng nhiệm vụ của người dân với kết quả thực hiện mô hình và có nguồn kinh phí tái đầu tư mở rộng ra các hộ khác trong những năm sau.

Thực hiện việc thu hồi đã làm cho hiện quả thực hiện mô hình càng rõ rệt, đặc biệt đối với mô hình tham canh cây hàng rào. Cho đến nay, các mô hình cũng hoàn toàn ủng hộ chủ trương này của Ban chủ nhiệm dự án. Kết quả 100% số hộ thực hiện các mô hình có thu hồi đã nộp đủ số tiền để thu hồi đúng kỳ hạn.

2- Những hạn chế.

Bước đầu mới làm dự án chưa có kinh nghiệm do vậy chọn quy mô mô hình nên chỉ đạo khó khăn, kinh phí mới tạo hình ở nên kết quả của thực hiện có sức thuyết phục chưa cao.

V- TÌNH HÌNH SỬ DỤNG KINH PHÍ.

a/ Tổng kinh phí của dự án theo kế hoạch: 770,516 triệu đồng, trong đó:

- Kinh phí từ ngân sách sự nghiệp khoa học TW: 500 triệu đồng
- Kinh phí từ ngân sách Khoa học tỉnh: 0 triệu đồng
- Kinh phí từ nguồn khác: 270,256 triệu đồng (đảm tư đồng góp công nhân và các vật tư khác)

b/ Tổng kinh phí được cấp từ ngân sách đến ngày báo cáo: 520 triệu đồng

Trong đó:

- Kinh phí từ ngân sách sự nghiệp khoa học TW: 500 triệu đồng
- Kinh phí từ ngân sách Khoa học tỉnh: 20 triệu đồng.

c/ Tổng kinh phí đã sử dụng đến ngày báo cáo: 515,141.500 đồng

d/ Tổng kinh phí đã quyết toán: 515,141.500 đồng.

Trong đó: - Kinh phí TW: 500.000.000 đồng

- Kinh phí địa phương: 15,141.500 đồng

e/ Kinh phí không sử dụng hết (nộp trả ngân sách): 4.855.500 đồng

VI- NHỮNG VẤN ĐỀ TỒN TẠI CẦN GIẢI QUYẾT.

Một số mô hình (mô hình cải tạo vườn tạp, cải tạo vườn rừng, trồng rừng kinh tế ...) do thời gian hoàn thiện dài các đơn vị chuyển giao công nghệ tại xã Nam thượng cần tiếp tục chỉ đạo các hộ gia đình chăm sóc, hoàn thiện theo mục tiêu đề ra của mô hình.

Về kinh phí thu hồi được từ các mô hình Sở KH-CN-N&MT đề nghị đơn vị tiếp tục mở rộng các mô hình cho các hộ chưa được tham gia thực hiện ở các địa phương của dự án.

VII- NHỮNG KINH NGHIỆM BƯỚC ĐẦU QUA THỰC HIỆN DỰ ÁN.

Qua quá trình thực hiện dự án, Ban chủ nhiệm dự án đã rút ra được một số kinh nghiệm trong việc triển khai xây dựng mô hình ứng dụng KH-CN phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nông thôn miền núi, miền trung.

1- Địa bàn thực hiện dự án phải là nơi mang tính tự nhiên, có tiềm năng đất đai, lao động chưa được khai thác, khai thác chưa tác động về KHCN và vốn được xem là yếu tố quyết định cho việc phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Đây là điều kiện đảm bảo cho thực hiện đạt được mục tiêu đề ra.

2- Công tác tổ chức chỉ đạo, diễn hành thực hiện dự án phải có sự đồng thuận và yếu tố quyết định đến sự thành công của dự án. Việc tổ chức thực hiện phải có tính hệ thống và thống nhất về chức năng của các bộ phận thực hiện trên cơ sở sự chỉ đạo, diễn hành của Ban chỉ huy dự án.

3- Với mục tiêu của Chương trình trồng rừng, cần triển khai thực hiện trung dự án từ 500 - 700 triệu đồng thì mỗi dự án chỉ nên xây dựng 1 đến 2 mô hình trình diễn là hợp lý để đảm bảo việc dẫn ra tập trung đạt được kết quả của mô hình.

VIII- DỰ KHẾN NHỮNG CÔNG VIỆC CẦN TRIỂN KHAI TIẾP TRONG THỜI GIAN TỚI

Một số mô hình do thời gian thực hiện ngắn nên chưa tính toán đầy đủ đến quá mang lại (mô hình cải tạo vườn tạp, cải tạo vườn rừng, trồng rừng cạnh đất). Trong thời gian tới Sở KHCN&MT tiếp tục chỉ đạo việc theo dõi, đánh giá cụ thể.

Về vấn đề nhân rộng kết quả các mô hình: Trên cơ sở kết quả mô hình, Ban cạnh cây lương thực, trong năm 2000 và 2001 bằng nguồn vốn sự nghiệp Khoa học của địa phương Sở KHCN&MT Hoà Bình đã tổ chức nhân rộng ra diện tích 106 ha đất cạnh tác tại 3 huyện, thị xã đưa ruộng 2 vụ thành 3 vụ đạt hiệu quả kinh tế cao. Trong những năm tới Sở KHCN&MT sẽ tham mưu cho UBND tỉnh khuyến cáo các ngành và địa phương về xây dựng chính sách tạo điều kiện nhân rộng các mô hình của dự án.

PHẦN THỨ BA

Kết luận và kiến nghị

Trong phạm vi thời gian 2 năm và lĩnh vực đầu tư không lớn, dự án xây dựng mô hình ứng dụng KHCN phục vụ phát triển lĩnh vực sản xuất nông nghiệp miền núi tại xã Nam Thượng - huyện Kim Bôi tỉnh Hoà Bình đã đạt được những kết quả đáng khích lệ, đảm bảo mục tiêu và nội dung đề ra.

Dự án đã thực hiện có hiệu quả việc đào tạo, tập huấn chuyên gia, kỹ thuật nghiệp vụ cho 28 lượt kỹ thuật viên và 680 hộ nông dân, chuyển biến trong nhận thức to lớn ở mọi người dân trong sản xuất nông nghiệp. Đây là nguồn lực về tri thức làm cơ sở cho sự phát triển lĩnh vực nông nghiệp trong những năm tiếp theo.

Với việc xây dựng thành công 6 mô hình trình diễn dự án đã góp phần tạo sự đổi mới trong cơ cấu cây trồng mùa vụ, trong chăn nuôi và phát triển nghề thủ công như nếp sống sinh hoạt của người dân. Các mô hình đã và đang phát huy tác dụng là hình mẫu để không chỉ các hộ gia đình trong toàn xã áp dụng mà còn trong phạm vi toàn huyện Kim Bôi và tỉnh Hoà Bình đang thay bước ngoặt mới.

Dự án hoàn thành có hiệu quả đã khẳng định các giải pháp về tổ chức, thực hiện chặt chẽ từ ban điều hành tỉnh đến hộ gia đình, đây là mô hình mẫu về tổ chức thực hiện.

Từ kết quả xây dựng các mô hình, một số chương trình, dự án đã được triển khai nhân rộng trong phạm vi toàn tỉnh và đã thu được kết quả tốt như mô hình về thâm canh cây lương thực, mô hình sử dụng hợp đàn cá lồng ... đây chính là những ưu tiên lớn nhất mà dự án đã đạt được.

Có được kết quả trên Ban chủ nhiệm dự án xin chân thành cảm ơn Bộ KH&MT, Ban chủ nhiệm chương trình Nông thôn miền núi Bộ KH&MT, Vụ Kế hoạch, Vụ Tài chính, Vụ Quản lý KHCN nông nghiệp thuộc Bộ KH&MT, UBND tỉnh Hoà Bình, UBND huyện Kim Bôi, UBND xã Nam Thượng và các đơn vị chuyển giao công nghệ đã quan tâm chỉ đạo và cử cán bộ có kinh nghiệm tham mưu cố vấn cho Ban chủ nhiệm dự án trong quá trình xây dựng và thực hiện các nội dung của dự án. Ban chủ nhiệm dự án cảm ơn sâu sắc tới các hộ gia đình tại xã Nam Thượng đã nhiệt tình tiếp nhận và thực hiện các mô hình của dự án.

Dự án xây dựng mô hình ứng dụng KHCN phục vụ phát triển lĩnh vực nông nghiệp nông thôn miền núi xã Nam Thượng đã kết thúc, để duy trì, nhân rộng và phát huy hiệu quả của dự án, Ban chủ nhiệm dự án đề nghị với các cấp, cơ quan chức năng và địa phương một số điểm sau:

1. Đề nghị Bộ KH&MT cố vấn bản hướng dẫn cụ thể chế độ chi trả thù lao cho các bộ tham gia dự án có phân cấp trách nhiệm nhau gian nghiên cứu và thực hiện lợi một cách hài hoà.

- Đề nghị UBND xã Nam thường tiếp tục chỉ đạo nhân dân thực hiện các biện pháp kỹ thuật đối với một số mô hình hoàn thiện như mô hình trồng cây ăn quả tập, mô hình sản xuất lâm nghiệp. Vận động nhân dân đẩy mạnh trồng cây ăn quả, mô hình đã kết thúc có hiệu quả cao như mô hình thâm canh cây trồng, mô hình bếp đun cải tiến, mô hình sử dụng nước sạch trong sinh hoạt và các mô hình khác ...

- Từ kết quả các mô hình đề nghị các ngành trong tỉnh, đặc biệt là ngành Nông nghiệp và phát triển nông thôn tham khảo áp dụng trong chỉ đạo sản xuất nông nghiệp, trong định hướng phát triển kinh tế xã hội vùng nông thôn tỉnh ...

Ý KIẾN CỦA

Địa phương thực hiện dự án

UBND xã Nam - Thường
Nhất Tiến với nội dung báo cáo

UBND xã
P3

SỞ KHCN&MT TỈNH HẢI PHÒNG

Chức năng nhiệm vụ

Phạm Văn

Ý KIẾN CỦA

UBND huyện Kim Bôi

Phạm Văn

